

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2026/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 625/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030; Văn bản số 636/HĐND-KTNS ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất việc xây dựng Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn; Báo cáo thẩm tra số 851/BC-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; tổ, nhóm cộng đồng, người dân, hộ gia đình.
3. Tổ chức, cá nhân khác tham gia hoặc có liên quan thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030.

Điều 3. Mức hỗ trợ, định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
 - a) Mức hỗ trợ tối đa cho một dự án: 5.000 triệu đồng.
 - b) Định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia
 - Hỗ trợ tối đa 90% kinh phí nhưng không quá 110 triệu đồng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.
 - Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí nhưng không quá 90 triệu đồng đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng.
 - Hỗ trợ tối đa 60% kinh phí nhưng không quá 70 triệu đồng đối với hộ khác tham gia dự án.
2. Dự án phát triển sản xuất của cộng đồng
 - a) Mức hỗ trợ tối đa cho một dự án: 1.000 triệu đồng.
 - b) Định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia
 - Hỗ trợ tối đa 90% kinh phí nhưng không quá 40 triệu đồng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.
 - Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí nhưng không quá 30 triệu đồng đối với hộ mới

thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng.

- Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí nhưng không quá 20 triệu đồng đối với hộ khác tham gia dự án.

3. Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Mức hỗ trợ cho một dự án: tối đa 3.000 triệu đồng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

b) Định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia

- Hỗ trợ tối đa 90% kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ tối đa 85% kinh phí nhưng không quá 45 triệu đồng đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng.

- Hỗ trợ tối đa 80% kinh phí nhưng không quá 40 triệu đồng đối với hộ khác tham gia dự án.

4. Mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này là mức hỗ trợ tối đa; việc hỗ trợ cụ thể căn cứ khả năng cân đối ngân sách, nguồn vốn được giao hằng năm, quy mô, tính chất và hiệu quả của từng dự án. Phần kinh phí còn lại do các đối tượng tham gia dự án đối ứng và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

5. Trường hợp một đối tượng đồng thời thuộc từ hai nhóm đối tượng trở lên quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này thì được áp dụng định mức hỗ trợ theo nhóm đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất; không thực hiện cộng dồn mức hỗ trợ của các nhóm đối tượng.

6. Một đối tượng, một nội dung hỗ trợ không được đồng thời hưởng từ các chương trình, dự án, nguồn hỗ trợ khác nhau.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy định tại Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ, mức chi ngân sách nhà nước, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2024-2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 166/2025/NQ-HĐND.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 9 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khoá XIX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ6, TH3.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh